

BÀI 7

ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HÓA VÀ GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI

Hướng dẫn học

Để học tốt bài này, học viên cần tham khảo các phương pháp học sau:

- Học đúng lịch trình của môn học theo tuần, làm các bài luyện tập đầy đủ và tham gia thảo luận trên diễn đàn.
- Đọc tài liệu:
 1. Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, NXB CTQG, H.2011.
 2. Một số chuyên đề lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, NXB CTQG, H.2007, tập 1, trang 107-175.
 3. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng – NXB CTQG, H.1998, tập 2, trang 130-336.
- Học viên làm việc theo nhóm và trao đổi với giảng viên trực tiếp tại lớp học hoặc qua email.
- Trang Web môn học.

Nội dung

- Xây dựng phát triển nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội, tạo điều kiện cho đất nước phát triển một cách bền vững là những vấn đề được Đảng ta hết sức quan tâm.
- Ngay từ thời kỳ đấu tranh giành chính quyền Đảng đã xác định văn hóa là một mặt trận quan trọng của cách mạng Việt Nam và đề ra những nguyên tắc cơ bản để xây dựng nền văn hóa mới. Khi đất nước bước vào công cuộc xây dựng CNXH, nhất là thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Đảng chủ trương phải tăng cường xây dựng, phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, để hội nhập quốc tế thành công nhưng không bị “hòa tan”, đánh mất mình.
- Các vấn đề xã hội là những vấn đề liên quan đến con người, nó ảnh hưởng lớn đến sự ổn định và phát triển của xã hội. Vì vậy, giải quyết tốt vấn đề xã hội được Đảng ta hết sức quan tâm. Điều này được thể hiện rõ trong đường lối giải quyết các vấn đề xã hội của Đảng trong hơn sáu mươi năm qua (từ 1945 đến nay).

Mục tiêu

- Nắm được những nội dung cơ bản đường lối xây dựng và phát triển văn hóa của Đảng.
- Hiểu được những căn cứ chủ yếu để Đảng chủ trương đẩy mạnh xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong giai đoạn hiện nay.
- Nắm được nội dung các vấn đề xã hội và các chủ trương, giải pháp để giải quyết vấn đề xã hội của Đảng qua các thời kỳ cách mạng.

Tình huống dẫn nhập

- Bắt đầu buổi thảo luận bài 7 môn học Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, một học viên đã hỏi giảng viên: Thưa thầy, xây dựng, phát triển nền văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội là nội dung lớn trong đường lối cách mạng của Đảng ta, là vấn đề được Đảng hết sức quan tâm ngay từ khi ra đời và nắm giữ ngọn cờ lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Vậy để hiểu rõ và nắm vững các tư tưởng, quan điểm, chủ trương của Đảng về vấn đề này cần phải nghiên cứu, tiếp cận như thế nào và bắt đầu từ đâu ạ?
- Giảng viên trả lời: Trước hết em phải nghiên cứu kỹ giáo trình và sau đó cùng tôi và các bạn thảo luận sẽ rõ.
- Học viên: Vâng ạ!

7.1. Quá trình nhận thức và nội dung đường lối xây dựng, phát triển nền văn hóa của Đảng

Kế thừa kiến thức của các môn học trước, trong bài này khái niệm văn hóa được dùng theo nghĩa rộng: “Văn hóa Việt Nam là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần do cộng đồng các dân tộc Việt Nam sáng tạo ra trong quá trình dựng nước và giữ nước”, nhưng chủ yếu là sử dụng theo nghĩa hẹp: “Văn hóa là đời sống tinh thần của xã hội”; “Văn hóa là hệ các giá trị, truyền thống, lối sống”, “Văn hóa là năng lực sáng tạo” của một dân tộc; “Văn hóa là bản sắc” của một dân tộc, là cái phân biệt dân tộc này với các dân tộc khác...

7.1.1. Thời kì trước đổi mới

7.1.1.1. Quan điểm, chủ trương về xây dựng nền văn hóa mới của Đảng

- Trong những năm 1943 -1954:

Đầu năm 1943, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp tại Võng La (Đông Anh, Hà Nội) đã thông qua bản *Đề cương Văn hóa Việt Nam* do đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh trực tiếp dự thảo. Đây là lần đầu tiên kể từ ngày thành lập, Đảng ta họp bàn và có chủ trương kịp thời về văn hóa văn nghệ Việt Nam vào thời điểm chuẩn bị Tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Đề cương xác định lĩnh vực văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) của cách mạng Việt Nam và đề ra *ba nguyên tắc* của nền văn hóa mới: Dân tộc hóa (chống lại mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa), Đại chúng hóa (chống mọi chủ trương, hành động làm cho văn hóa phần lại hoặc xa rời quần chúng), Khoa học hóa (chống lại tất cả những gì làm cho văn hóa phần tiến bộ, trái khoa học). Nền văn hóa mới Việt Nam có tính chất dân tộc về hình thức, dân chủ về nội dung. Có thể coi Đề cương văn hóa Việt Nam là bản Tuyên ngôn, là Cương lĩnh của Đảng về văn hóa trước Cách mạng Tháng Tám mà ảnh hưởng của nó còn có tác động sâu rộng đến mãi sau này. Ngày 3/9/1945, trong phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trình bày với các Bộ trưởng sáu nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trong đó hai nhiệm vụ cấp bách thuộc về văn hóa. *Một là*, cùng với diệt giặc đói phải diệt giặc dốt. Hồ Chí Minh nói: một dân tộc dốt là một dân tộc yếu, thế mà hơn chín mươi phần trăm đồng bào chúng ta mù chữ; vì vậy, tôi đề nghị mở một chiến dịch để chống nạn mù chữ. *Hai là*, chế độ thực dân đã hủ hóa dân tộc Việt Nam bằng những thói xấu, lười biếng, gian xảo, tham ô và những thói xấu khác. Vì vậy, một nhiệm vụ cấp bách là phải giáo dục lại nhân dân chúng ta, làm cho dân tộc chúng ta trở nên một dân tộc dũng cảm, yêu nước, yêu lao động, một dân tộc xứng đáng với nước Việt Nam độc lập. Chủ tịch Hồ Chí Minh đề nghị: mở một chiến dịch giáo dục lại tinh thần nhân dân bằng cách thực hiện cần, kiệm, liêm, chính. Như vậy, nhiệm vụ *đầu tiên* về xây dựng văn hóa của nước Việt Nam độc lập là: **chống nạn mù chữ và giáo dục lại tinh thần nhân dân**. Đây là hai nhiệm vụ hết sức khiêm tốn nhưng lại vĩ đại ở tầm nhìn, độ chính xác và ở tính thời sự của nó.



Cuộc vận động thực hiện Đời sống mới: Đầu năm 1946, Ban Trung ương vận động Đời sống mới được thành lập với sự tham gia của nhiều nhân vật có uy tín như: Trần Huy Liệu, Dương Đức Hiền, Vũ Đình Hoè, Nguyễn Tấn Gi Trọng, mà Tổng thư kí là nhà văn Nguyễn Huy Tưởng. Tháng 3-1947, Hồ Chí Minh viết tài liệu *Đời sống mới* giải thích rất dễ hiểu những vấn đề thiết thực trong chủ trương văn hóa quan trọng này, gồm 19 câu hỏi và trả lời. Làm được 19 điều này là thiết thực giáo dục lại tinh thần của nhân dân lúc đó cũng như có ý nghĩa cho đến tận ngày nay.

Đường lối Văn hóa kháng chiến được dần hình thành lại Chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về *Kháng chiến kiến quốc* (tháng 11 - 1945), trong bức thư về *Nhiệm vụ văn hóa Việt Nam trong công cuộc cứu nước và xây dựng nước hiện nay* của đồng chí Trường Chinh gửi Chủ tịch Hồ Chí Minh (ngày 16 - 11 - 1946) và tại báo cáo *chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam* (trình bày trong Hội nghị văn hóa



toàn quốc lần thứ hai, tháng 7 - 1948). Đường lối đó gồm các nội dung: xác định mối quan hệ giữa văn hóa và cách mạng giải phóng dân tộc, cổ động văn hóa cứu quốc; xây dựng nền văn hóa dân chủ mới Việt Nam có tính chất dân tộc, khoa học, đại chúng mà khẩu hiệu thiết thực lúc đó là Dân tộc, Dân chủ (nghĩa là yêu nước và tiến bộ); tích cực bài trừ nạn mù chữ, mở đại học và

trung học, cải cách việc học theo tinh thần mới, bài trừ cách dạy học nhồi sọ; giáo dục lại nhân dân, cổ động thực hành đời sống mới; phát triển cái hay trong văn hóa dân tộc; bài trừ cái xấu xa hủ bại, ngăn ngừa sức thâm nhập của văn hóa thực dân, phản động; đồng thời học cái hay, cái tốt của văn hóa thế giới; hình thành đội ngũ tri thức mới, đóng góp tích cực cho công cuộc kháng chiến kiến quốc 9 năm và cho cách mạng Việt Nam.

- **Trong những năm 1955 - 1986:**

Đường lối xây dựng và phát triển văn hóa trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa được hình thành bắt đầu từ Đại hội III của Đảng (năm 1960) mà điểm cốt lõi là chủ trương tiến hành *cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa* đồng thời với cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất và cách mạng về khoa học, kỹ thuật, là chủ trương xây dựng và phát triển nền văn hóa mới, con người mới. Mục tiêu là làm cho nhân dân thoát nạn mù chữ và thói hư tật xấu do xã hội cũ để lại, có trình độ văn hóa ngày càng cao, có hiểu biết cần thiết về khoa học, kỹ thuật tiên tiến để xây dựng xã hội chủ nghĩa, nâng cao đời sống vật chất và văn hóa.

Đại hội IV và Đại hội V của Đảng tiếp tục đường lối phát triển văn hóa của Đại hội III, xác định nền văn hóa mới là nền văn hóa có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc, có tính đảng và tính nhân dân. Nhiệm vụ văn hóa quan trọng của giai đoạn này là tiến hành cải cách giáo dục trong cả nước, phát triển mạnh khoa học, văn hóa nghệ thuật, giáo dục trong cả nước, giáo dục tinh thần làm chủ tập thể, chống tư tưởng tư sản và tàn dư tư tưởng phong kiến, phê phán tư tưởng tiểu tư sản, xoá bỏ ảnh hưởng của tư tưởng, văn hóa thực dân mới ở miền Nam.

7.1.1.2. Đánh giá sự thực hiện đường lối

- **Thành tựu:**

Nền văn hóa dân chủ mới – văn hóa cứu quốc, đã bước đầu được hình thành và đạt nhiều thành tựu trong kháng chiến và kiến quốc. Đã xoá bỏ dần những mặt lạc hậu, những cái lỗi thời trong di sản văn hóa phong kiến, trong nền văn hóa nô dịch của thực dân Pháp, bước đầu xây dựng nền văn hóa dân chủ với tính chất dân tộc, khoa học, đại chúng. Nhiều triệu đồng bào mù chữ đã biết đọc, biết viết. Phát triển hệ



thống giáo dục, cải cách phương pháp dạy học, thực hành rộng rãi đời sống mới, bài trừ hủ tục, lạc hậu. Văn hóa cứu quốc đã động viên nhân dân tham gia tích cực vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Trong những năm 1955-1986, công tác tư tưởng và văn hóa đã đạt được những thành tựu to lớn, góp phần

xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng cả nước. Một thành tựu tiêu biểu của miền Bắc xã hội chủ nghĩa là sự nghiệp giáo dục, văn hóa phát triển với tốc độ cao ngay cả trong những năm có chiến tranh, phát huy vai trò tích cực trong chiến đấu và sản xuất. Hoạt động văn hóa nghệ thuật cũng phát triển trên nhiều mặt với nội dung lành mạnh, đã cổ vũ quần chúng trong chiến đấu và sản xuất, góp phần xây dựng cuộc sống mới, con người mới. Trình độ văn hóa chung của xã hội đã được nâng lên một mức đáng kể. Lối sống mới đã trở thành phổ biến, người với người sống có tình có nghĩa, đoàn kết thương yêu nhau.

Thắng lợi vĩ đại của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước không chỉ là thắng lợi của đường lối chính trị, đường lối quân sự đúng đắn mà còn là thắng lợi của chính sách văn hóa của Đảng, thắng lợi của chủ nghĩa yêu nước và nhân phẩm của con người Việt Nam, của những giá trị tinh thần cao quý của con người Việt Nam. Cùng với độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, những thành quả về văn hóa là một thành tố của chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

- **Hạn chế và nguyên nhân:**

Công tác tư tưởng và văn hóa thiếu sắc bén, thiếu tính chiến đấu. Việc xây dựng thể chế văn hóa còn chậm. Sự suy thoái về đạo đức, lối sống có chiều hướng phát triển. Đời sống văn hóa, nghệ thuật còn những mặt bất cập. Rất ít tác phẩm đạt đỉnh cao tương xứng với sự nghiệp cách mạng và kháng chiến vĩ đại của dân tộc. Một số công trình văn hóa vật thể và phi vật thể truyền thống có giá trị không được quan tâm bảo tồn, lưu giữ, thậm chí bị phá huỷ, mai một.

Đường lối xây dựng, phát triển văn hóa giai đoạn 1955-1986 bị chi phối bởi tư duy chính trị “nắm vững chuyên chính vô sản” mà thực chất là nhân mạnh đấu tranh giai cấp, đấu tranh “ai thắng ai” giữa hai con đường, đấu tranh giữa hai phe, đấu tranh ý thức hệ trong lĩnh vực văn hóa.

Mục tiêu, nội dung cuộc cách mạng tư tưởng văn hóa giai đoạn này cũng bị chi phối bởi cuộc cách mạng quan hệ sản xuất mà tư tưởng chỉ đạo là triệt để xoá bỏ tư hữu, xoá bỏ bóc lột càng nhanh càng tốt, là đưa quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đi trước một bước, tách rời trình độ phát triển thực tế của lực lượng sản xuất.

Chiến tranh cùng với cơ chế quản lý kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp và tâm lý bình quân chủ nghĩa đã làm giảm động lực phát triển văn hóa, giáo dục; kìm hãm năng lực tự do sáng tạo.

7.1.2. Trong thời kì đổi mới

7.1.2.1. Quá trình đổi mới tư duy về xây dựng và phát triển nền văn hóa của Đảng

Từ Đại hội VI đến Đại hội XI, Đảng ta đã hình thành từng bước nhận thức mới về đặc trưng của nền văn hóa mới mà chúng ta cần xây dựng; về chức năng, vai trò, vị trí của văn hóa trong phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.

Đại hội VI (năm 1986) xác định: khoa học – kỹ thuật là một động lực to lớn đẩy mạnh quá trình phát triển kinh tế - xã hội; có vị trí then chốt trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Cương lĩnh năm 1991 (được Đại hội VII thông qua) lần đầu tiên đưa ra quan niệm nền văn hóa Việt Nam có đặc trưng: *tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc* thay cho quan niệm nền văn hóa Việt Nam có nội dung xã hội chủ nghĩa, có tính chất dân tộc, có tính đảng và tính nhân dân được nêu ra trước đây. Cương lĩnh chủ trương xây dựng nền văn hóa mới, tạo ra đời sống tinh thần cao đẹp, phong phú và đa dạng, có nội dung nhân đạo, dân chủ, tiến bộ; kế thừa và phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước, tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại; chống tư tưởng, văn hóa phản tiến bộ, trái với truyền thống tốt đẹp của dân tộc và những giá trị cao quý của loài người, trái với phương hướng đi lên chủ nghĩa xã hội; xác định giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu.



Đại hội VII, VIII, IX, X, XI và nhiều nghị quyết Trung ương tiếp theo đã xác định văn hóa là *nền tảng tinh thần của xã hội* và coi văn hóa *vừa là mục tiêu, vừa là động lực của phát triển*. Đây là một tầm nhìn mới về văn hóa phù hợp với tầm nhìn chung của thế giới đương đại.



Đại hội VII (năm 1991) và Đại hội VIII (năm 1996) khẳng định: khoa học và giáo dục đóng *vai trò then chốt* trong toàn bộ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, *là một động lực* đưa đất nước thoát ra khỏi nghèo nàn, lạc hậu, vươn lên trình độ tiên tiến của thế giới. Do đó, phải coi sự nghiệp giáo dục – đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là *quốc sách hàng đầu* để phát huy nhân tố con người, động lực trực

tiếp của sự phát triển xã hội.

Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII (tháng 7-1998) nêu ra 5 quan điểm cơ bản chỉ đạo quá trình phát triển văn hóa trong thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Hội nghị Trung ương 9 khóa IX (tháng 1-2004) xác định thêm phát triển văn hóa đồng bộ với phát triển kinh tế. Tiếp theo, Hội nghị Trung ương 10 khóa IX (tháng 7-2004) đặt vấn đề bảo đảm sự gắn kết giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm; xây dựng,

chính đốn Đảng là then chốt với nhiệm vụ không ngừng nâng cao văn hóa – nền tảng tinh thần của xã hội. Đây chính là bước phát triển quan trọng trong nhận thức của Đảng về vị trí của văn hóa và công tác văn hóa trong quan hệ với các mặt công tác khác.

Hội nghị Trung ương 10 khóa IX đã nhận định về sự biến đổi của văn hóa trong quá trình đổi mới. Cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế đã làm thay đổi mối quan hệ giữa cá nhân với cộng đồng, thúc đẩy dân chủ hóa đời sống xã hội, đa dạng hóa thị hiếu và phương thức sinh hoạt văn hóa, phạm vi, vai trò của dân chủ hóa – xã hội hóa văn hóa của cá nhân ngày càng tăng lên và mở rộng. Đó là những thách thức mới đối với sự lãnh đạo, quản lý công tác văn hóa của Đảng và Nhà nước.

7.1.2.2. Quan điểm chỉ đạo và chủ trương về xây dựng, phát triển nền văn hóa

Một là, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.

Quan điểm này chỉ rõ chức năng, vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng của văn hóa đối với sự phát triển xã hội.

- **Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội.**

Theo ý kiến của nguyên Tổng Giám đốc UNESCO: Văn hóa phản ánh và thể hiện một cách tổng quát, sống động mọi mặt của cuộc sống (của mỗi cá nhân và các cộng đồng) diễn ra trong quá khứ cũng như đang diễn ra trong hiện tại; qua hàng bao thế kỉ, nó đã cấu thành nên một hệ thống các giá trị, truyền thống và lối sống trên đó từng dân tộc tự khẳng định bản sắc riêng của mình.

Các giá trị nói trên tạo thành nền tảng tinh thần của xã hội – vì nó được thấm nhuần trong mỗi con người và trong cả cộng đồng; được truyền lại, tiếp nối và phát huy qua các thế hệ; được vật chất hóa và khẳng định vững chắc trong cấu trúc xã hội của từng dân tộc (ví dụ: cấu trúc này ở Việt Nam là cấu trúc Nhà – Làng – Nước). Các giá trị này chi phối hằng ngày đến cuộc sống, tư tưởng, tình cảm của mọi thành viên xã hội bằng môi trường xã hội – văn hóa (bao gồm văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể).

Vì vậy, chúng ta chủ trương làm cho văn hóa thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội để các giá trị văn hóa trở thành nền tảng tinh thần bền vững của xã hội, trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội. Đó cũng là con đường xây dựng con người mới, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh đẩy lùi các tiêu cực xã hội, đẩy lùi sự xâm nhập của tư tưởng, văn hóa phản biện tiến bộ. Biện pháp tích cực là đẩy mạnh cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa; đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng gia đình văn hóa, phường xã văn hóa, cơ quan, đơn vị văn hóa; nêu gương người tốt, việc tốt.

- **Văn hóa là động lực thúc đẩy sự phát triển.**

Nguồn lực nội sinh của sự phát triển của một dân tộc thấm sâu trong văn hóa. Sự phát triển của một dân tộc phải vươn tới cái mới, tiếp nhận cái mới, tạo ra cái mới nhưng lại không thể tách khỏi cội nguồn. Phát triển phải dựa trên cội nguồn, bằng cách phát huy cội nguồn. Cội nguồn của mỗi quốc gia, dân tộc chính là văn hóa.

Kinh nghiệm đổi mới ở nước ta cũng chứng tỏ rằng, bản thân sự phát triển kinh tế cũng không chỉ do các nhân tố thuần túy kinh tế tạo ra. Nền kinh tế Việt Nam hôm nay đã có một bước tiến đáng kể so với thời kì thực hiện chế độ kinh tế tập trung

quan liêu, bao cấp. Nguyên nhân không phải chỉ ở sự tiến triển tự nhiên của các nhân tố kinh tế, mà còn do sự đổi mới tư duy, đổi mới chính sách và chế độ quản lí, do sự giải phóng tư tưởng và bước phát triển mới về trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ, cán bộ quản lí và lực lượng lao động. Nghĩa là động lực của sự đổi mới kinh tế một phần quan trọng nằm trong những giá trị văn hóa đang được phát huy.

Ngày nay, trong điều kiện của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, khi yếu tố quyết định cho sự tăng trưởng kinh tế là trí tuệ, là thông tin, là ý tưởng sáng tạo và đổi mới không ngừng thì một nước trở thành giàu hay nghèo không chỉ ở chỗ có nhiều hay ít lao động và tài nguyên thiên nhiên, mà trước hết là có khả năng phát huy đến mức cao nhất tiềm năng sáng tạo của nguồn lực con người hay không. Tiềm năng sáng tạo này nằm trong các yếu tố cấu thành văn hóa, nghĩa là trong tri thức, khả năng sáng tạo, trong bản lĩnh tự đổi mới của mỗi cá nhân và của cả cộng đồng.



Nói cách khác, hàm lượng văn hóa trong các lĩnh vực của đời sống con người càng cao bao nhiêu thì khả năng phát triển kinh tế - xã hội càng thực hiện và bền vững bấy nhiêu.

Trong nền kinh tế thị trường, một mặt văn hóa dựa vào tiêu chuẩn của cái đúng, cái tốt, cái đẹp để hướng dẫn và thúc đẩy người lao động không ngừng phát huy sáng kiến, cải tiến kĩ thuật, nâng cao tay nghề, sản xuất ra hàng hóa với số lượng và chất lượng ngày càng cao đáp ứng nhu cầu của xã hội. Mặt khác, văn hóa sử dụng sức mạnh của các giá trị truyền thống, của đạo lí dân tộc để hạn chế xu hướng sùng bái lợi ích vật chất, sùng bái tiền tệ, nghĩa là hạn chế xu hướng hàng hóa và đồng tiền “xuất hiện với tính cách là lực lượng có khả năng xuyên tạc bản chất con người cũng như những mối liên hệ khác” dẫn tới suy thoái xã hội.

Nền văn hóa Việt Nam đương đại, với những giá trị mới, sẽ là một tiền đề quan trọng đưa nước ta hội nhập ngày càng sâu hơn và toàn diện hơn vào nền kinh tế thế giới.

Trong vấn đề bảo vệ môi trường vì sự phát triển bền vững, văn hóa giúp hạn chế lối sống chạy theo ham muốn quá mức của “xã hội tiêu thụ”, dẫn đến chỗ làm cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường sinh thái.

Văn hóa, nhất là văn hóa phương Đông, cổ vũ và hướng dẫn cho một lối sống có chừng mực, hài hoà với sức tải của hành tinh chúng ta. Nó đưa ra mô hình ứng xử thân thiện giữa con người với thiên nhiên, vì sự phát triển bền vững cho thế hệ hôm nay và cho các thế hệ mai sau.

- **Văn hóa là một mục tiêu của phát triển**

Mục tiêu xây dựng một xã hội Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” chính là mục tiêu văn hóa.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội năm 2011-2020 xác định: “phát huy tối đa nhân tố con người; coi con người là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của sự phát triển”. Đồng thời nêu rõ yêu cầu: “Tăng trưởng kinh tế phải kết hợp hài hoà

với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân”. Phát triển hướng tới mục tiêu văn hóa – xã hội mới bảo đảm sự bền vững, trường tồn. Thực tế cho thấy, mối quan hệ giữa văn hóa và phát triển là vấn đề bức xúc của mọi quốc gia. Sau khi thoát khỏi ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, các nước độc lập đang tìm con đường dẫn tới ấm no, hạnh phúc, thì việc giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội lại càng có ý nghĩa quan trọng.

Tuy nhiên, trong nhận thức và hành động, mục tiêu kinh tế vẫn thường lấn át mục tiêu văn hóa và thường được đặt vào vị trí đầu tiên trong các kế hoạch, chương trình, chính sách phát triển của nhiều quốc gia, nhất là các nước nghèo đang phát triển theo con đường công nghiệp hóa.

Để làm cho văn hóa trở thành động lực và mục tiêu của sự phát triển, chúng ta chủ trương phát triển văn hóa phải gắn kết chặt chẽ và đồng bộ hơn với phát triển kinh tế - xã hội. Cụ thể là:

Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội hài hòa với phát triển kinh tế. Xử lý tốt mối quan hệ giữa kinh tế và văn hóa để văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội, là một động lực phát triển kinh tế, xã hội và hội nhập quốc tế.

Khi xác định mục tiêu, giải pháp phát triển văn hóa phải căn cứ và hướng tới mục tiêu, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, làm cho phát triển văn hóa trở thành động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.

Khi xác định mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội phải đồng thời xác định mục tiêu văn hóa, hướng tới xã hội dân chủ, công bằng, văn minh. Phải có chính sách kinh tế trong văn hóa để gắn văn hóa với hoạt động kinh tế, khai thác tiềm năng kinh tế, tài chính hỗ trợ cho phát triển văn hóa. Xây dựng chính sách văn hóa trong kinh tế để chủ động đưa các yếu tố văn hóa thâm nhập vào các hoạt động kinh tế - xã hội, xây dựng văn hóa kinh doanh, đạo đức kinh doanh, văn minh thương nghiệp; xây dựng đội ngũ doanh nhân thời hội nhập.

- **Văn hóa có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bồi dưỡng, phát huy nhân tố con người và xây dựng xã hội mới.**

Việc phát triển kinh tế - xã hội cần đến nhiều nguồn lực khác nhau: tài nguyên thiên nhiên, vốn... Tuy nhiên, những nguồn lực này đều có hạn và có thể bị khai thác cạn kiệt. Chỉ có tri thức con người mới là nguồn lực vô hạn, có khả năng tái sinh và tự sinh không bao giờ cạn kiệt. Các nguồn lực khác sẽ không được sử dụng có hiệu quả nếu không có những con người đủ trí tuệ và năng lực khai thác chúng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội phải có con người xã hội chủ nghĩa.



Hội Gióng được tổ chức hằng năm tại làng Phù Đổng (Gia Lâm) và đền Sóc (Sóc Sơn) đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại

Năm 1990, UNDP (Chương trình phát triển của Liên hợp quốc) đưa ra những tiêu chí mới để đánh giá mức độ phát triển của các quốc gia, đó là chỉ số phát triển con người. Một trong ba chỉ tiêu của cách tính toán mới này là thành tựu giáo dục (hai chỉ tiêu kia là tuổi thọ bình quân và mức thu nhập). Chỉ tiêu giáo dục lại được tổng hợp từ hai tiêu chí khác là tình trạng học vấn của nhân dân và số năm được giáo dục tính bình quân cho mỗi người.



Theo đó, quốc gia nào đạt thành tựu giáo dục cao, tức là có vốn trí tuệ toàn dân nhiều hơn thì chứng tỏ xã hội đó phát triển hơn, có khả năng tăng trưởng dồi dào. “Tài nguyên” con người, cái vốn con người, nói cho cùng chính là vốn trí tuệ của dân tộc. Như vậy, văn hóa trực tiếp tạo dựng và nâng cao vốn “tài nguyên người”.

Từ một nước nông nghiệp lạc hậu đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Việt Nam chưa có lợi thế về chỉ số phát triển con người như mong muốn. Tỷ lệ số người biết đọc, biết viết được xếp vào thứ hạng cao trong khu vực (88%) nhưng nguy cơ tái mù chữ lại đang tăng, đặc biệt là mù ngoại ngữ, mù tin học.

Hai là, nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

- **Tiên tiến** là yêu nước và tiên bộ với nội dung cốt lõi là lí tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội theo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nhằm mục tiêu tất cả vì con người. Tiên tiến không chỉ về nội dung tư tưởng mà cả trong hình thức biểu hiện, trong các phương tiện chuyển tải nội dung.
- **Bản sắc dân tộc** bao gồm những giá trị văn hóa truyền thống bền vững của cộng đồng các dân tộc Việt Nam được vun đắp qua lịch sử hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước. Đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân – gia đình – làng xã – Tổ quốc; đó là lòng nhân ái, khoan dung, trọng tình nghĩa, đạo lí, là đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động; sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống... Bản sắc dân tộc còn đậm nét cả trong các hình thức biểu hiện mang tính dân tộc độc đáo.



Có thể nói, bản sắc của một dân tộc là tổng thể những phẩm chất, tính cách, sức sống bên trong của dân tộc, giúp cho dân tộc đó giữ vững được tính duy nhất, tính thống nhất, tính nhất quán so với bản thân mình trong quá trình phát triển. Sức mạnh và sức sáng tạo này có mối liên hệ gốc rễ, lâu dài và bền vững với môi trường xã hội – tự nhiên và với quá trình lịch sử mà dân tộc đó đã tồn tại.

Bản sắc dân tộc thể hiện trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội: cách tư duy, cách sống, cách dựng nước, giữ nước, cách sáng tạo trong văn hóa, khoa học, văn học, nghệ thuật..., nhưng được thể hiện sâu sắc nhất là trong hệ giá trị của dân tộc. Hệ giá trị là những gì nhân dân quan tâm, là niềm tin mà nhân dân cho là thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Khi được chuyển thành các chuẩn mực xã hội, nó định

hướng cho sự lựa chọn trong hành động của các nhân và cộng đồng. Vì vậy, nó là cơ sở tinh thần cho sự ổn định xã hội và sự vững vàng của chế độ. Hệ giá trị có tính ổn định rất lớn và có tính bền vững tương đối, có sức mạnh gắn bó mọi thành viên trong cộng đồng. Trong sự tiến bộ và phát triển của xã hội, các giá trị này thường không biến mất mà hóa thân vào các giá trị của thời sau, theo quy luật kế thừa và tái tạo. Bản sắc dân tộc phát triển theo sự phát triển của thể chế kinh tế, thể chế xã hội và thể chế chính trị của các quốc gia. Nó cũng phát triển theo quá trình hội nhập kinh tế thế giới, quá trình giao lưu văn hóa với các quốc gia khác và sự tiếp nhận tích cực văn hóa, văn minh nhân loại. Vì vậy, chúng ta chủ trương xây dựng và hoàn thiện các giá trị và nhân cách con người Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Bản sắc dân tộc và tính chất tiên tiến của nền văn hóa phải được thấm đượm trong mọi hoạt động xây dựng, sáng tạo vật chất, ứng dụng các thành tựu khoa học – công nghệ, giáo dục và sáng tạo..., sao cho trong mọi lĩnh vực hoạt động chúng ta có cách tư duy độc lập, có cách làm vừa hiện đại vừa mang sắc thái Việt Nam. Đi vào kinh tế thị trường, mở rộng giao lưu quốc tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước phải tiếp thu những tinh hoa của nhân loại, song phải luôn luôn phát huy những giá trị tốt đẹp của dân tộc.

Để xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, chúng ta chủ trương vừa bảo vệ bản sắc dân tộc, vừa mở rộng giao lưu, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Bảo vệ bản sắc dân tộc phải gắn kết với mở rộng giao lưu quốc tế, tiếp thu có chọn lọc những cái hay, cái tiến bộ trong văn hóa các dân tộc khác để bắt kịp sự phát triển của thời đại. Chủ động tham gia hội nhập và giao lưu văn hóa với các quốc gia để xây dựng những giá trị mới của văn hóa Việt Nam đương đại. Xây dựng Việt Nam thành một địa chỉ giao lưu văn hóa khu vực và quốc tế.

Giữ gìn bản sắc dân tộc phải đi liền với loại bỏ những cái lạc hậu, lỗi thời trong phong tục, tập quán và lề thói cũ.

Ba là, nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Nét đặc trưng nổi bật của văn hóa Việt Nam là sự thống nhất mà đa dạng, là sự hoà quyện bình đẳng, và phát triển độc lập của văn hóa các dân tộc cùng sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam.

Hơn 50 dân tộc trên đất nước ta đều có những giá trị và bản sắc văn hóa riêng. Các giá trị và sắc thái đó bổ sung cho nhau, làm phong phú nền văn hóa Việt Nam thống nhất và củng cố sự thống nhất dân tộc.



Bốn là, xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp chung của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng.

Mọi người Việt Nam phấn đấu vì dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh đều tham gia sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa nước nhà. Công nhân, nông dân, trí thức là nền tảng khối đại đoàn kết toàn dân, cũng là nền tảng của sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của

Nhà nước. Đội ngũ trí thức gắn bó với nhân dân giữ vai trò quan trọng trong sự nghiệp này. Sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý. Năm là, giáo dục và đào tạo, cùng với khoa học và công nghệ được coi là quốc sách hàng đầu.

Văn hóa theo nghĩa rộng thì bao hàm cả giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ.

Phát triển nhận thức đã nêu ra từ Đại hội VI (năm 1986), Hội nghị Trung ương 2 khóa VIII (tháng 12/1996) khẳng định: Cùng với giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực phát triển kinh tế - xã hội, là điều kiện cần thiết để giữ vững độc lập dân tộc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Khoa học và công nghệ là nội dung then chốt trong mọi hoạt động của tất cả các ngành, các cấp, là nhân tố chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và củng cố quốc phòng – an ninh.



Thực hiện quốc sách này, chúng ta chủ trương:

- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; đổi mới cơ cấu tổ chức, cơ chế quản lý, nội dung, phương pháp dạy và học; thực hiện “chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế”, chấn hưng nền giáo dục Việt Nam. Bồi dưỡng các giá trị văn hóa trong thanh niên, học sinh, sinh viên, đặc biệt là lí tưởng sống, lối sống, năng lực trí tuệ, đạo đức và bản lĩnh sáng tạo của con người Việt Nam.
- Chuyển dần mô hình giáo dục hiện nay sang mô hình giáo dục mở - mô hình xã hội học tập với hệ thống học tập suốt đời, đào tạo liên tục, liên thông giữa các bậc học, ngành học; xây dựng và phát triển hệ thống học tập cho mọi người và những hình thức học tập, thực hành linh hoạt, đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên; tạo nhiều khả năng, cơ hội khác nhau cho người học, bảo đảm sự công bằng xã hội trong giáo dục.
- Đổi mới mạnh mẽ giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông. Khẩn trương điều chỉnh, khắc phục tình trạng quá tải và thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục và sách giáo khoa phổ thông, bảo đảm tính khoa học, cơ bản, phù hợp với tâm lí lứa tuổi và điều kiện cụ thể của Việt Nam. Chuẩn bị tích cực để từ năm 2015 thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới.
- Phát triển mạnh hệ thống giáo dục nghề nghiệp, tăng nhanh quy mô đào tạo cao đẳng nghề, trung cấp nghề cho các khu công nghiệp, các vùng kinh tế động lực và cho việc xuất khẩu lao động.
- Đổi mới hệ thống giáo dục đại học và sau đại học, gắn đào tạo với sử dụng, trực tiếp phục vụ chuyển đổi cơ cấu lao động, phát triển nhanh nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là chuyên gia đầu ngành. Chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, trọng dụng nhân tài; nhanh chóng xây dựng cơ cấu nguồn nhân lực hợp lí về ngành nghề, trình độ đào tạo, dân tộc, vùng miền...
- Bảo đảm đủ số lượng, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên ở tất cả các cấp học, bậc học. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp giáo dục, phát huy tính tích cực, sáng tạo của người học, khắc phục lối truyền thụ một chiều. Hoàn thiện hệ thống đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục. Cải tiến nội dung và phương pháp thi

cử nhằm đánh giá đúng trình độ tiếp thu tri thức, khả năng học tập. Khắc phục những mặt yếu kém và tiêu cực của giáo dục.

- Thực hiện xã hội hóa giáo dục. Huy động nguồn lực vật chất và trí tuệ của xã hội tham gia chăm lo sự nghiệp giáo dục. Phối hợp chặt chẽ giữa ngành giáo dục với các ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội – nghề nghiệp... để mở mang giáo dục, tạo điều kiện học tập cho mọi thành viên trong xã hội. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động giáo dục.



- Tăng cường hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo. Tiếp cận chuẩn mực giáo dục tiên tiến của thế giới phù hợp với yêu cầu phát triển của Việt Nam; tham gia đào tạo nhân lực khu vực và thế giới. Có cơ chế quản lý phù hợp đối với các trường do nước ngoài đầu tư hoặc liên kết đào tạo.
- Phát triển khoa học xã hội, tiếp tục góp phần làm sáng tỏ những vấn đề lí luận về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.
- Phát triển khoa học tự nhiên và khoa học công nghệ, tập trung nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng, đặc biệt các lĩnh vực Việt Nam có nhu cầu và thế mạnh. Đẩy mạnh có chọn lọc việc nhập công nghệ, mua sáng chế kết hợp công nghệ nội sinh để nhanh chóng đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ của các ngành có lợi thế cạnh tranh, có tỉ trọng lớn GDP.
- Đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ. Đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Nâng cao chất lượng và khả năng thương mại của các sản phẩm khoa học và công nghệ; đẩy mạnh việc đổi mới công nghệ trong các doanh nghiệp.

Sáu là, văn hóa là một mặt trận; xây dựng và phát triển văn hóa là một sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì, thận trọng.

Bảo tồn và phát huy những di sản văn hóa tốt đẹp của dân tộc, sáng tạo nên những giá trị văn hóa mới, làm cho những giá trị ấy thấm sâu vào cuộc sống toàn xã hội và mỗi con người, trở thành tâm lí và tập quán tiến bộ, văn minh là một quá trình cách mạng đầy khó khăn phức tạp, đòi hỏi nhiều thời gian. Trong công cuộc đó, “xây” đi đôi với “chống”, lấy “xây” làm chính. Cùng với việc giữ gìn và phát triển những di sản văn hóa quý báu của dân tộc, tiếp thu những tinh hoa văn hóa thế giới, sáng tạo, vun đắp nên những giá trị mới, phải tiến hành kiên trì cuộc đấu tranh bài trừ các hủ tục, các thói hư tật xấu, nâng cao tính chiến đấu, chống mọi mưu toan lợi dụng văn hóa để thực hiện “diễn biến hoà bình”.

7.1.2.3. Đánh giá việc thực hiện đường lối

- Trong những năm qua, cơ sở vật chất, kĩ thuật của nền văn hóa mới đã bước đầu được tạo dựng; quá trình đổi mới tư duy về văn hóa, về xây dựng con người và nguồn nhân lực có bước phát triển rõ rệt; môi trường văn hóa có những chuyển biến theo hướng tích cực; hợp tác quốc tế về văn hóa được mở rộng.

- Giáo dục và đào tạo có bước phát triển mới. Quy mô giáo dục và đào tạo tăng ở tất cả các cấp, các bậc học. Chất lượng đội ngũ giáo viên phổ thông có chuyên môn, cơ sở vật chất – kĩ thuật cho trường học trên cả nước được tăng cường đáng kể.
- Khoa học và công nghệ có bước phát triển, phục vụ thiết thực hơn nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.
- Văn hóa phát triển, việc xây dựng đời sống văn hóa và nếp sống văn minh có tiến bộ ở tất cả các tỉnh, thành trong cả nước.
- Những thành tựu trong sự nghiệp xây dựng văn hóa chứng tỏ đường lối, chính sách văn hóa của Đảng và Nhà nước ta đã và đang phát huy tác dụng tích cực, định hướng đúng đắn cho sự phát triển đời sống văn hóa. Những thành tựu này cũng là kết quả của sự tham gia tích cực của nhân dân và những nỗ lực rất lớn của các lực lượng hoạt động trên lĩnh vực văn hóa.



Hạn chế và nguyên nhân:

Một là, so với yêu cầu của thời kì đổi mới, trước sự biến đổi ngày càng phong phú trong đời sống xã hội những năm gần đây, những thành tựu và tiến bộ đạt được trong lĩnh vực văn hóa còn chưa tương xứng và chưa vững chắc, chưa đủ để tác động có hiệu quả đối với các lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt là lĩnh vực tư tưởng. Đạo đức, lối sống tiếp tục diễn biến phức tạp, có một số mặt nghiêm trọng hơn, tổn hại không nhỏ đến uy tín của Đảng và Nhà nước, niềm tin của nhân dân.

Hai là, sự phát triển của văn hóa chưa đồng bộ và tương xứng với tăng trưởng kinh tế, thiếu gắn bó với nhiệm vụ xây dựng và chỉnh đốn Đảng là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng đến quá trình phát triển kinh tế và nhiệm vụ xây dựng Đảng. Nhiệm vụ, xây dựng con người Việt Nam trong thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa chưa tạo được chuyển biến rõ rệt. Môi trường văn hóa còn bị ô nhiễm bởi các tệ nạn xã hội, sự lan tràn của các sản phẩm và dịch vụ văn hóa mê tín, dị đoan, độc hại, thấp kém, lai căng... Sản phẩm văn hóa và các dịch vụ văn hóa ngày càng phong phú nhưng còn rất thiếu những tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật, có ảnh hưởng tích cực và sâu sắc trong đời sống.

Ba là, việc xây dựng thể chế văn hóa còn chậm chưa đổi mới, thiếu đồng bộ, làm hạn chế tác dụng của văn hóa đối với các lĩnh vực quan trọng của đời sống đất nước.

Bốn là, tình trạng nghèo nàn, thiếu thốn, lạc hậu về đời sống văn hóa – tinh thần ở nhiều vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số và vùng căn cứ cách mạng trước đây vẫn chưa được khắc phục có hiệu quả. Khoảng cách chênh lệch về hưởng thụ văn hóa giữa các vùng miền, khu vực, tầng lớp xã hội tiếp tục mở rộng.



Những khuyết điểm, yếu kém nói trên do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, song cần nhấn mạnh các nguyên nhân chủ quan là:

Các quan điểm chỉ đạo về phát triển văn hóa chưa được quán triệt đầy đủ và cũng chưa được thực hiện nghiêm túc. Bệnh chủ quan, duy ý chí trong quản lí kinh tế - xã hội kéo dài 20 năm đã tác động tiêu cực đến việc triển khai đường lối phát triển văn hóa.

Chưa xây dựng được cơ chế, chính sách và giải pháp phù hợp để phát triển văn hóa trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Một bộ phận những người hoạt động trên lĩnh vực văn hóa có biểu hiện xa rời đời sống, chạy theo chủ nghĩa thực dụng, thị hiếu thấp kém.

7.2. Quá trình nhận thức và chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội

7.2.1. Thời kì trước đổi mới

7.2.1.1. Chủ trương của Đảng về giải quyết các vấn đề xã hội

Giai đoạn 1945 - 1954:

Ngay sau Cách mạng Tháng Tám và trong những năm thực hiện nhiệm vụ kháng chiến, kiến quốc, chính sách xã hội của Đảng ta được chỉ đạo bởi tư tưởng: chúng ta giành được tự do, độc lập rồi mà dân ta cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ. Do đó, chính sách xã hội cấp bách lúc này là làm cho dân có ăn, làm cho dân có mặc, làm cho dân có chỗ ở, làm cho dân được học hành. Tiếp sau đó là làm cho người nghèo thì đủ ăn, người đủ ăn thì khá giàu, người khá giàu thì giàu thêm. Chủ trương này đã nhanh chóng đi vào cuộc sống và đạt được những hiệu quả thiết thực.

Các vấn đề xã hội được giải quyết trong mô hình Dân chủ nhân dân: Chính phủ có chủ trương và hướng dẫn để các tầng lớp nhân dân chủ động và tự tổ chức giải quyết các vấn đề xã hội của chính mình. Chính sách tăng gia sản xuất (nhằm tự cấp tự túc), chủ trương tiết kiệm, đồng cam cộng khổ trở thành phong trào rộng rãi, từ cơ quan chính phủ đến bộ đội, dân chúng, được coi trọng như đánh giặc. Khuyến khích mọi thành phần xã hội phát triển kinh tế theo cơ chế thị trường. Thực hiện chính sách điều hoà lợi ích giữa chủ và thợ.

Giai đoạn 1955 - 1975:

Các vấn đề xã hội được giải quyết trong mô hình chủ nghĩa xã hội kiểu cũ, trong hoàn cảnh chiến tranh. Chế độ phân phối về thực chất là theo chủ nghĩa bình quân. Nhà nước và tập thể đáp ứng các nhu cầu xã hội thiết yếu bằng chế độ bao cấp tràn lan dựa vào viện trợ.

Giai đoạn 1975 - 1985:

Các vấn đề xã hội được giải quyết theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp trong hoàn cảnh đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội nghiêm trọng, nguồn viện trợ giảm dần, bị bao vây, cô lập và cấm vận.

7.2.1.2. Đánh giá việc thực hiện đường lối

Thành tựu:

Chính sách xã hội trong 9 năm kháng chiến, kiến quốc, tiếp sau đó là thời bao cấp tuy có nhiều nhược điểm và hạn chế nhưng đã bảo đảm được sự ổn định của xã hội, đồng thời còn đạt được thành tựu phát triển đáng tự hào trên một số lĩnh vực như văn hóa, giáo dục, y tế, lối sống, đạo đức, kỉ cương và an ninh xã hội, hoàn thành nghĩa vụ của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn.



Một tiết mục văn nghệ của Đoàn văn công giải phóng Liên khu V

Những thành tựu đó nói lên bản chất tốt đẹp của chế độ mới và sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng trong giải quyết các vấn đề xã hội trong điều kiện chiến tranh kéo dài, kinh tế chậm phát triển.

Hạn chế và nguyên nhân:

Trong xã hội đã hình thành tâm lí thụ động, ỷ lại vào Nhà nước và tập thể trong cách giải quyết các vấn đề xã hội; chế độ phân phối trên thực tế là bình quân, cào bằng không khuyến khích những đơn vị, cá nhân làm tốt, làm giỏi... Đã hình thành một xã hội đóng, ổn định nhưng kém năng động, chậm phát triển về nhiều mặt.

Nguyên nhân cơ bản của các hạn chế trên là chúng ta đặt chưa đúng tầm chính sách xã hội trong quan hệ với chính sách thuộc các lĩnh vực khác, đồng thời lại áp dụng và duy trì quá lâu cơ chế quản lí kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp.

7.2.2. Trong thời kì đổi mới

7.2.2.1. Trong thời kì đổi mới nhận thức về giải quyết các vấn đề xã hội

Tại Đại hội VI, lần đầu tiên Đảng ta nâng các vấn đề xã hội lên tầm *chính sách xã hội*, đặt rõ tầm quan trọng của chính sách xã hội đối với chính sách kinh tế và chính sách ở các lĩnh vực khác. Đại hội cho rằng, trình độ phát triển kinh tế là điều kiện vật chất để thực hiện chính sách xã hội nhưng những mục tiêu xã hội lại là mục đích của các hoạt động kinh tế. Ngay trong khuôn khổ của hoạt động kinh tế, chính sách xã hội có ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất, chất lượng sản phẩm... Do đó, cần có chính sách xã hội cơ bản, lâu dài, phù hợp với yêu cầu và khả năng trong chặng đường đầu tiên của thời kì quá độ.

Mục tiêu của chính sách xã hội thống nhất với mục tiêu phát triển kinh tế ở chỗ đều nhằm phát huy sức mạnh của nhân tố con người. Phát triển kinh tế là cơ sở và tiền đề để thực hiện các chính sách xã hội, đồng thời thực hiện tốt các chính sách xã hội là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế.



Đại hội VIII của Đảng chủ trương, hệ thống chính sách xã hội phải được hoạch định theo những quan điểm sau đây:

- Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và trong suốt quá trình phát triển. Công bằng xã hội phải thể hiện ở cả khâu phân phối hợp lí tư liệu sản xuất cũng như ở khâu phân phối kết quả sản xuất, ở việc tạo điều kiện cho mọi người đều có cơ hội phát triển và sử dụng tốt năng lực của mình.
- Thực hiện nhiều hình thức phân phối.
- Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực xoá đói, giảm nghèo.
- Các vấn đề chính sách xã hội đều giải quyết theo tinh thần xã hội hóa.

Đại hội IX của Đảng chủ trương, các chính sách xã hội phải hướng vào phát triển và làm lành mạnh hóa xã hội, thực hiện công bằng trong phân phối, tạo động lực mạnh mẽ phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động xã hội, thực hiện bình đẳng trong các quan hệ xã hội, khuyến khích nhân dân làm giàu hợp pháp.

Đại hội X của Đảng chủ trương, phải kết hợp các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu xã hội trong phạm vi cả nước, ở từng lĩnh vực, địa phương.

Trong điều kiện Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), hội nhập sâu rộng hơn vào hệ thống kinh tế quốc tế, Hội nghị Trung ương 4 khóa X (tháng 1-2007) nhấn mạnh: phải giải quyết tốt các vấn đề xã hội nảy sinh trong quá trình thực thi các cam kết với WTO. Xây dựng cơ chế đánh giá và cảnh báo định kì về tác động của việc gia nhập WTO đối với lĩnh vực xã hội để có biện pháp xử lý chủ động, đúng đắn, kịp thời.

Đại hội XI của Đảng chủ trương phát triển toàn diện, mạnh mẽ các lĩnh vực văn hóa, xã hội hài hoà với phát triển kinh tế.

7.2.2.2. Quan điểm về giải quyết các vấn đề xã hội

Một là, kết hợp các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu xã hội.

Kế hoạch phát triển kinh tế phải tính đến mục tiêu phát triển các lĩnh vực xã hội có liên quan trực tiếp.

Mục tiêu phát triển kinh tế phải tính đến các tác động và hậu quả xã hội có thể xảy ra để chủ động xử lí.

Phải tạo được sự thống nhất, đồng bộ giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội.

Sự kết hợp giữa hai loại mục tiêu này phải được quán triệt ở tất cả các cấp, các ngành, các địa phương, ở từng đơn vị kinh tế cơ sở.

Hai là, xây dựng và hoàn thiện thể chế gắn kết tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước và từng chính sách phát triển.

Trong từng bước và từng chính sách phát triển (của chính phủ hay của ngành, của trung ương hay địa phương), cần đặt rõ và xử lí hợp lí việc gắn kết giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội.

Nhiệm vụ “gắn kết” này không dừng lại như một khẩu hiệu, một lời khuyên nghị mà phải được pháp chế hóa thành các thể chế có tính cưỡng chế, buộc các chủ thể phải thi hành.

Các cơ quan, các nhà hoạch định chính sách phát triển quốc gia phải thấu triệt quan điểm phát triển bền vững, phát triển “sạch”, phát triển hài hoà, không chạy theo số lượng, tăng trưởng bằng mọi giá.

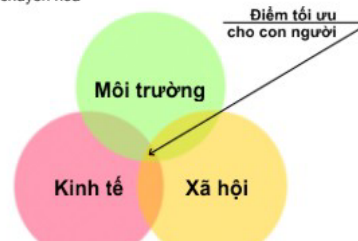
Ba là, chính sách xã hội được thực hiện trên cơ sở phát triển kinh tế, gắn bó hữu cơ giữa quyền lợi và nghĩa vụ, giữa cống hiến và hưởng thụ.

Chính sách xã hội có vị trí, vai trò độc lập tương đối so với kinh tế, nhưng không thể tách rời trình độ phát triển kinh tế, cũng không thể dựa vào viện trợ như thời bao cấp.

Trong chính sách xã hội, phải gắn bó giữa quyền lợi và nghĩa vụ, giữa cống hiến và hưởng thụ. Đó là một yêu cầu của công bằng xã hội và tiến bộ xã hội; xoá bỏ quan điểm bao cấp, cào bằng; chấm dứt cơ chế xin – cho trong chính sách xã hội.

Môi trường bền vững

Thống nhất hệ sinh thái
Đa dạng sinh học
Khả năng chuyển hóa



Kinh tế bền vững

Sự tăng trưởng
Sự phát triển
Hiệu quả

Xã hội bền vững

Bản sắc văn hóa
Khả năng tiếp cận
Sự ổn định

Bốn là, coi trọng chỉ tiêu GDP bình quân đầu người gắn với chỉ tiêu phát triển con người (HDI) và chỉ tiêu phát triển các lĩnh vực xã hội.

Quan điểm này khẳng định mục tiêu cuối cùng và cao nhất của sự phát triển phải là vì con người, vì một xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Phát triển phải bền vững, không chạy theo số lượng tăng trưởng.

7.2.2.3. Chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội

Một là, khuyến khích mọi người dân làm giàu theo pháp luật, thực hiện có hiệu quả mục tiêu xoá đói, giảm nghèo.

Tạo cơ hội, điều kiện cho mọi người tiếp cận bình đẳng các nguồn lực phát triển.

Tạo động lực làm giàu trong đồng đảo dân cư bằng tài năng, sáng tạo của bản thân, trong khuôn khổ pháp luật và đạo đức cho phép. Có chính sách hạn chế phân hóa giàu nghèo, giảm chênh lệch mức sống giữa nông thôn và thành thị.

Xây dựng và thực hiện có kết quả cao chương trình xoá đói, giảm nghèo; đề phòng tái đói, tái nghèo; nâng cao dần chuẩn đói nghèo khi mức sống chung tăng lên.

Hai là, bảo đảm cung ứng dịch vụ công thiết yếu, bình đẳng cho mọi người dân, tạo việc làm và thu nhập, chăm sóc sức khoẻ cộng đồng. Xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa dạng; phát triển mạnh hệ thống bảo hiểm. Đa dạng hóa các loại hình cứu trợ xã hội, tạo nhiều việc làm ở trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu lao động. Thực hiện chính sách ưu đãi xã hội. Đổi mới chính sách tiền lương; phân phối thu nhập xã hội công bằng, hợp lí.



Ba là, phát triển hệ thống y tế công bằng và hiệu quả. Hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở; quan tâm chăm sóc y tế tốt hơn đối với các đối tượng chính sách; phát triển các dịch vụ y tế công nghệ cao, các dịch vụ y tế ngoài công lập.

Bốn là, xây dựng chiến lược quốc gia về nâng cao sức khoẻ và cải thiện giống nòi. Quan tâm chăm sóc sức khoẻ sinh sản. Giảm nhanh tỉ lệ trẻ em suy dinh dưỡng. Đẩy mạnh công tác bảo vệ giống nòi, kiên trì phòng chống HIV/AIDS và các tệ nạn xã hội.

Năm là, thực hiện tốt các chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình. Giảm tốc độ tăng dân số, bảo đảm quy mô và cơ cấu dân số hợp lí. Xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc; bảo đảm bình đẳng giới; chống nạn bạo hành trong quan hệ gia đình.

Sáu là, chú trọng các chính sách ưu đãi xã hội.

Bảy là, đổi mới cơ chế quản lí và phương thức cung ứng các dịch vụ công cộng.

7.2.2.4. Đánh giá sự thực hiện đường lối

Sau 25 năm đổi mới chính sách xã hội, nhận thức về vấn đề phát triển xã hội của Đảng và nhân dân ta đã có những thay đổi có ý nghĩa bước ngoặt quan trọng sau đây:

- Từ tâm lí thụ động, ỷ lại vào Nhà nước và tập thể, trông chờ viện trợ đã chuyển sang tính năng động, chủ động và tích cực xã hội của tất cả các tầng lớp dân cư.
- Từ chỗ đề cao quá mức lợi ích của tập thể một cách chung chung, trừu tượng; thi hành chế độ phân phối theo lao động trên danh nghĩa nhưng thực tế là bình quân,

cào bằng đã từng bước chuyển sang thực hiện phân phối chủ yếu theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, đồng thời phân phối theo mức đóng góp các nguồn lực khác vào sản xuất, kinh doanh và thông qua phúc lợi xã hội. Nhờ vậy, công bằng xã hội được thể hiện ngày một rõ hơn.

- Từ chỗ không đặt đúng tầm quan trọng của chính sách xã hội trong mối quan hệ tương tác với chính sách kinh tế đã đi đến thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội.
- Từ chỗ Nhà nước bao cấp toàn bộ trong việc giải quyết việc làm đã dần dần chuyển trọng tâm sang thiết lập cơ chế, chính sách để các thành phần kinh tế và người lao động đều tham gia tạo việc làm.
- Từ chỗ không chấp nhận có sự phân hóa giàu – nghèo đã đi đến khuyến khích mọi người làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực xoá đói, giảm nghèo, coi việc có một bộ phận dân cư giàu trước là cần thiết cho sự phát triển.
- Từ chỗ muốn nhanh chóng xây dựng một cơ cấu xã hội “thuần nhất” chỉ còn có giai cấp công nhân, giai cấp nông dân tập thể và tầng lớp trí thức đã đi đến quan niệm cần thiết xây dựng một cộng đồng xã hội đa dạng, trong đó các giai cấp, các tầng lớp dân cư đều có nghĩa vụ, quyền lợi chính đáng, đoàn kết chặt chẽ, góp phần xây dựng nước Việt Nam giàu mạnh.

Qua 25 năm đổi mới, lĩnh vực phát triển xã hội đã đạt nhiều thành tựu. Tính năng động xã hội khác hẳn thời bao cấp. Một xã hội mở đang dần dần hình thành với những con người không chờ bao cấp, dám nghĩ, dám chịu trách nhiệm, không chấp nhận đói nghèo, lạc hậu, biết làm giàu, biết cạnh tranh và hành động vì cộng đồng, vì Tổ quốc. Cách thức quản lý xã hội dân chủ, cởi mở hơn, đề cao pháp luật hơn.



Bên cạnh giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, đã xuất hiện ngày càng đông đảo các doanh nhân, tiểu chủ, chủ trang trại và các nhóm xã hội khác phấn đấu vì sự nghiệp “dân giàu, nước mạnh”. Thành tựu xoá đói, giảm nghèo được nhân dân đồng tình, được quốc tế thừa nhận.

Đã coi phát triển giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Có cố gắng thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, trong chăm sóc sức khoẻ nhân dân, tạo điều kiện để ai cũng được học hành; có chính sách trợ cấp và bảo hiểm y tế cho người nghèo.

Hạn chế và nguyên nhân:

- Giáo dục và đào tạo còn những hạn chế, yếu kém kéo dài, gây bức xúc trong xã hội nhưng chưa được tăng cường trong lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết. Trong sự nghiệp giáo dục toàn diện, dạy làm người, dạy nghề là yếu kém nhất.
- Áp lực gia tăng dân số vẫn còn lớn. Chất lượng dân số còn thấp đang là cản trở lớn đối với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế. Vấn đề việc làm rất bức xúc và nan giải.
- Sự phân hóa giàu – nghèo và bất công xã hội tiếp tục gia tăng đáng lo ngại.

- Mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân còn thấp, chênh lệch lớn giữa các vùng, các tầng lớp dân cư.
- Một số vấn đề xã hội bức xúc cũ và phát sinh mới chậm được giải quyết.
- Tệ nạn xã hội gia tăng và diễn biến rất phức tạp, gây thiệt hại lớn về kinh tế và an sinh xã hội.
- Môi trường sinh thái bị ô nhiễm tiếp tục tăng thêm; tài nguyên bị khai thác bừa bãi và tàn phá.
- Hệ thống giáo dục, y tế lạc hậu, xuống cấp, có nhiều bất cập; an sinh xã hội chưa được bảo đảm.

Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế nêu trên là:

- Tăng trưởng kinh tế vẫn tách rời mục tiêu và chính sách xã hội, chạy theo số lượng, ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển bền vững xã hội.
- Quản lý xã hội còn nhiều bất cập, không theo kịp sự phát triển kinh tế - xã hội.

Tóm lược cuối bài

- Ngay từ khi ra đời và nắm giữ ngọn cờ lãnh đạo cách mạng Việt Nam, văn hoá là lĩnh vực được Đảng Cộng sản Việt Nam rất quan tâm. Do đó Đảng đã sớm đề ra được đường lối văn hóa đúng đắn, sáng tạo, phục vụ tốt cho việc vận động, tập hợp quần chúng, xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng, góp phần tích cực vào thắng lợi của cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước (8/1945) đồng thời tạo ra sự thống nhất cao về tư tưởng, tinh thần, ý chí đưa quân và dân ta vượt qua mọi khó khăn, thử thách đánh thắng hai tên đế quốc lớn là Pháp và Mỹ, đưa đất nước đi lên CNXH. Tuy nhiên, đường lối xây dựng, phát triển nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội thời kỳ trước đổi mới của Đảng cũng còn có những hạn chế, khiếm khuyết cần phải kịp thời khắc phục.
- Những thay đổi to lớn tư duy về Đảng cầm của Đảng cộng sản Việt Nam đã đưa tới những thay đổi mạnh mẽ của Đảng trong chủ trương xây dựng, phát triển nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội. Đảng cho rằng đây là những lĩnh vực hết sức quan trọng, có ý nghĩa chiến lược, ảnh hưởng lớn đến sự ổn định và phát triển của đất nước. Vì vậy, cần phải tập trung sức lực, trí tuệ và huy động nhiều nguồn lực đầu tư và giải quyết. Quan điểm này là rất đúng đắn, đặt cơ sở cho toàn bộ những thay đổi trong chủ trương, chính sách về văn hóa, xã hội của Nhà nước ta, góp phần quyết định tạo nên sự ổn định và phát triển mọi mặt của đất nước ta trong thời gian qua.

Câu hỏi ôn tập

1. Vì sao hiện nay Đảng chủ trương đẩy mạnh việc xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc?
2. Văn kiện nào được coi là cương lĩnh, là tuyên ngôn đầu tiên của Đảng ta về văn hoá? Phân tích những nội dung cơ bản của văn kiện này?
3. Vì sao Đảng chủ trương phải giáo dục tinh thần của nhân dân sau cách mạng tháng 8/1945?
4. Vì sao hiện nay văn hoá được coi là động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội?
5. Dựa trên cơ sở nào để khẳng định nền văn hoá Việt Nam là nền văn hoá thống nhất mà đa dạng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam?